

Số: 2300/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 22 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 3231/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 30/70, Khu phố C, phường D, thành phố B, Đồng Nai.

2. Ông **Trần Minh A**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 30/70, Khu phố C, phường D, thành phố B, Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 16/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của bà Lê Thị H và ông Trần Minh A. Bà H, ông A cư trú tại thành phố B và đã nộp tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Ông A và bà H kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 21/01/2014. Quá trình chung sống, bà H và ông A thừa nhận thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Ông A và bà H có 01 con chung cháu Trần Minh L, sinh ngày 05/4/2014. Ly hôn, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông A cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Ông A, bà H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà H, ông A thống nhất không đoàn tụ, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/12/2022, ghi nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự.

Xét thấy, các đương sự thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ căn cứ để Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Minh L, sinh ngày 05/4/2014 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Minh A cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Minh L trưởng thành và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị H cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Minh A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Minh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong

trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh A xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh A xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị H và ông Trần Minh A mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005103 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**  
**Ngô Hoàng Long**